

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/DS-ST
Ngày 14-4-2026
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn, ông Giáp Huy Tường

- Thư ký phiên toà: ông Lê Duy Tuyên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: ông Ngô Văn Định - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 335/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 02/03/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Diêm Công L, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, (tên gọi khác: T1) sinh năm 1974; nơi thường trú: Tổ dân phố Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

Anh Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1973; nơi thường trú: Tổ dân phố Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Anh và chị T là quan hệ biết với nhau, hai bên có làm ăn kinh doanh với nhau anh có bán lợn cho chị T, hai bên bắt đầu mua bán với nhau từ năm 2021.

Quá trình anh và chị T mua bán với nhau, khi có tiền thì chị T thanh toán cho anh ngay, khi chưa có tiền trả ngay thì ghi sổ nợ. Quá trình làm ăn do kinh tế khó khăn nên đến năm 2023 thì anh và chị T không làm ăn với nhau nữa. Anh đã nhiều lần đòi chị T nhưng chị T khát nợ, đến ngày 30/12/2024 hai bên có thống nhất số nợ và chị T có viết giấy nhận nợ số tiền 315.290.000 đồng và hẹn sẽ trả dần cho vợ chồng anh nhưng đến nay chị T vẫn chưa trả số tiền trên.

Nay anh đề nghị cá nhân chị T phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 315.290.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Đỗ Thị T trình bày: chị và anh L có quan hệ họ hàng, chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, về yêu cầu khởi kiện của anh L chị xác định chị còn nợ anh L là 315.290.000đ đây là số tiền do chị mua lợn của anh L còn nợ lại. Đến ngày 30/12/2024 chị có viết giấy nhận nợ với anh L về nội dung giấy nhận nợ ngày 30/12/2024 là đúng, chữ ký giấy nhận nợ là đúng của chị, chị xác định còn nợ lại anh L 315.290.000đ, chị đề nghị được trả anh L mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Việc chị làm ăn với anh L chồng chị là anh Đỗ Trọng T3 không biết và không tham gia, chị xác định đây là nợ riêng của chị anh T3 không liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Đỗ Trọng T3 trình bày: anh là chồng chị Đỗ Thị T quá trình chị T mua bán lợn với anh L như thế nào nợ anh L bao nhiêu anh không được biết vì chị T với anh L làm ăn riêng; nay anh L yêu cầu chị T trả số tiền 315.290.000đ anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị N1 trình bày: vợ chồng chị và chị Đỗ Thị T có quen biết và có kinh doanh cùng nhau vợ chồng chị bán lợn cho chị T từ năm 2021, khi mua bán có lần chị T trả ngay có lần nợ lại tính đến ngày 30/12/2024 hai bên chốt nợ chị T có nợ lại là 315.290.000đ và chị T có hẹn trả dần cho vợ chồng chị nhưng chị T không trả; nay chị đề nghị cá nhân chị T trả cho vợ chồng chị 315.290.000đ không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Diêm Công L: Buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho anh Diêm Công L, chị Nguyễn Thị N số tiền là 315.290.000đ.

Về án phí chị Đỗ Thị T phải chịu 15.764.500đ án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả anh Diêm Công L số tiền 7.882.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và việc thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đỗ Thị Thúy T4 tại tổ dân phố Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản tiền mua bán theo giấy nhận nợ ngày 30/12/2024, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Anh L khởi kiện yêu cầu chị T thanh toán trả số tiền 315.290.000đ theo giấy nhận nợ ngày 30/12/2024; ngày 31/10/2025 anh L nộp đơn khởi kiện yêu, do đó yêu cầu của anh L trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 02 do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[5] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị T1 trả số tiền 315.290.000đ và không yêu cầu tính lãi

Tòa án thấy rằng do quan hệ quen biết nên anh L, chị T có xác lập việc mua bán hàng hóa (mua bán lợn, anh L là người bán, chị T là người mua) từ năm 2021 trong quá trình mua bán chị T đã nhiều lần nợ lại anh L đến ngày 30/12/2024 hai bên có chốt công nợ thể hiện tại “*Giấy nhận nợ*” xác nhận chị T còn nợ lại anh L số tiền 315.290.000đ; chị T thừa nhận còn nợ lại số tiền này đây là tình tiết không

cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên xác định số tiền chị T còn nợ lại anh L là 315.290.000đ .

Do đó yêu cầu của anh L là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 440, Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm trả nợ: Về trách nhiệm trả nợ, anh T3 cho rằng không liên quan khoản nợ này, mặt khác anh L, chị N yêu cầu mình chị T trả nên cần buộc chị T trả khoản vay này.

[7] Về lãi vay, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] lãi chậm trả: Để đảm bảo cho quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả khi chậm nghĩa vụ thanh toán.

[9] Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440; khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Diêm Công L: Buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho anh Diêm Công L, chị Nguyễn Thị N số tiền là 315.290.000đ. *(Ba trăm mười lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí chị Đỗ Thị T phải chịu 15.764.500đ án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả anh Diêm Công L số tiền 7.882.000đ theo biên lai thu số 0002855 ngày 03/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện